

Bản án số: 64/2017/HSPT

Ngày: 31-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.

2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSPT ngày 29/5/2017 đối với bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Ngô Văn H; tên gọi khác: không có; sinh năm 1995 tại xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Ngô Văn H (sinh năm 1969) và bà Vũ Thị T (sinh năm 1973); có vợ là Thân Thị T (sinh năm 1998) và có một con (sinh năm 2017); tiền sự: không; tiền án: Bản án số 97/2012/HSST ngày 18/10/2012 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và bản án số 102/2012/HSST ngày 29/10/2012 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2016; bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2016; bị cáo tạm giam; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng N; tên gọi khác: không có; sinh năm 1996 tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký HKTT: Lô 52, N01, khu tái định cư phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn

Văn H (sinh năm 1972) và bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1972); chồng, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; đầu thú, tạm giữ từ ngày 17/10/2016 đến ngày 21/10/2016, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

** Những người tham gia tố tụng: Vụ án còn có 2 bị cáo khác, 12 người bị hại, 6 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N:*

Ông Phan Văn T là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư P và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 10/KSĐT ngày 23/01/2017 của VKSND huyện L và bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8 năm 2016 đến giữa tháng 10 năm 2016, Ngô Văn H và đồng bọn đã thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn một số huyện của tỉnh Bắc Giang, sau khi trộm cắp được tài sản Ngô Văn H đã đưa Ngô Văn M tiêu thụ tài sản 03 vụ, tiền bán tài sản Ngô Văn H và đồng phạm dùng để ăn tiêu hàng ngày, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 30/8/2016, tại khu vực dốc S, huyện L, Ngô Văn H dùng vạm phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô, biển kiểm soát 98B1- 008.**, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu vàng đen trị giá 8.400.000 đồng của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 ở thôn H, xã C, huyện L. Trộm cắp được xe Ngô Văn H gọi cho Ngô Văn M bảo “đẩy cho em cái xe”. Ngô Văn M gọi cho Lê Văn H, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã D, huyện L là chú họ bán xe với giá 3.500.000 đồng. Sau đó đem tiền về đưa cho Ngô Văn H thì được cho 800.000đ.

Vụ thứ 2: Tối ngày 03/9/2016, tại khu vực trạm xăng T, huyện V, Ngô Văn H dùng vạm phá khóa điện trộm cắp 01 xe mô tô, biển kiểm soát 98N6- 15**, nhãn hiệu HONDA, loại WAVES màu đen- xám trị giá 7.000.000 đồng của anh Đinh Văn B, sinh năm 1969 ở thôn C, xã T, huyện V để cạnh lều ngủ trông cá. Sau đó Ngô Văn H gặp Phan Đình Đ, sinh năm 1993 ở tổ 4, phường M, thành phố B là bạn cùng làm ở quán cà phê với Ngô Văn M nhờ bán hộ xe mô tô được 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Do cãi nhau với Ngô Văn M nên ngày 10/9/2016, Nguyễn Thị Hồng N đi xe mô tô biển kiểm soát: 98B2- 428.** nhãn hiệu HONDA, loại WAVE an pha, màu trắng- đen- bạc đến phòng trọ của vợ chồng Ngô Văn H ở xóm S, xã K,

huyện P, tỉnh Thái Nguyên ở. Khoảng 21 giờ ngày 12/9/2016 thì Ngô Văn H rủ Nguyễn Thị Hồng N đi về Bắc Giang bằng xe mô tô 98B2- 428.**. Khi đi đến thôn M, xã T phát hiện thấy một nhà hai tầng đang xây dựng ở sát đường, Ngô Văn H bảo Nguyễn Thị Hồng N đứng ở ngoài đợi và vào nhà trộm cắp được 01 điện thoại Iphone 5s, 01 túi xách màu tím bên trong có 01 dây chuyền bằng vàng tây, 01 bông tai bằng vàng tây, 01 ví giả da bên trong có 01 tờ tiền 500.000 đồng của anh Dương Văn Đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 4.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 21 giờ ngày 13/9/2016, Ngô Văn H cùng Nguyễn Thị Hồng N đi về Bắc Giang bằng xe mô tô 98B2- 428.**. Tại khu vực ngã 3, thôn Đ, xã T, huyện L, H dùng vạm chữ T phá khóa trộm cắp xe 98B2- 500.** trị giá 15.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn C rồi cùng N về phòng trọ. Sau đó H cầm cổ xe cùng giấy đăng ký tại một hiệu cầm đồ ở khu vực Sơn Tây được 8.000.000 đồng. Khoảng 3 đến 04 hôm sau M cho H vay 8.000.000 đồng và cùng Phạm Đình Đ đi chuộc xe ra mang đến cửa hàng cầm đồ số 3**, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do chị Phạm Thị L làm chủ cầm lấy 10.000.000 đồng. Trên đường về Ngô Văn H trả Ngô Văn M 8.000.000 đồng và cho 200.000 đồng, không cho Phạm Đình Đ đồng nào.

Vụ thứ 5: Khoảng 20 giờ một ngày giữa tháng 9 năm 2016 khi đang ở phòng trọ P thì Ngô Văn H rủ Nguyễn Thị Hồng N đi về Bắc Giang bằng xe mô tô 98B2- 428.**. Khi đi đến thôn M, xã A, Ngô Văn H phát hiện thấy nhà anh Phạm Văn H đang xây dựng nên dừng xe lại, đỗ xe cách khoảng 10m và bảo Nguyễn Thị Hồng N đứng đợi. Ngô Văn H lách người qua cửa xếp bằng sắt ở tầng 1 vào trong nhà trộm cắp được 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng 400.000 đồng đang sạc pin để ở trên tấm ván gần chân cầu thang rồi đi ra chỗ Nguyễn Thị Hồng N bảo trộm cắp được chiếc điện thoại OPPO. Khoảng 10 ngày sau Ngô Văn H bán điện thoại cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 ở thôn T, xã T, huyện L được 450.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 02 giờ ngày 21/9/2016, tại khu vực thôn T, xã Q, huyện V, Ngô Văn H dùng vạm chữ T phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M8- 58**, nhãn hiệu ANGEL màu đen trị giá 3.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 ở thôn G, xã M, huyện L dựng trước cửa lều của một nhà đang xây. Hôm sau Ngô Văn H đi xe trộm cắp đem bán cho Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981 ở thôn L, xã X, huyện L được 1.000.000đ.

Vụ thứ 7: Khoảng 20 giờ một ngày cuối tháng 9 năm 2016 tại khu vực cổng trường tiểu học xã X, huyện L, Ngô Văn H và Thân Thị T phát hiện tài sản không có người trông nom. Ngô Văn H đã dùng vạm phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 84** nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh đen trị giá 1.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 ở thôn C, xã M, huyện L. Sau đó cả hai đi xe mô tô trộm cắp được đến nhà nghỉ M ở số 64, tổ 18, phường T, thành phố T thuê phòng ngủ đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì trả phòng xuống lấy

xe. Ngô Văn H phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu NOUVO biển kiểm soát 20L3-81**, quan sát thấy không có người, Ngô Văn H lấy vạm phá được ổ khóa dắt xe Nouvo ra chỗ Thân Thị T đợi rồi nổ máy đi về nhà ở huyện V, bỏ xe mô tô trộm cắp ở xã X lại nhà nghỉ. Đối với hành vi trộm cắp chiếc xe NOUVO biển kiểm soát 20L3-81**, Cơ quan điều tra Công an huyện L có Công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T phối hợp xác minh giải quyết, sau khi thống nhất quan điểm và xét thấy việc tách tài liệu, vật chứng vụ trộm cắp ở nhà nghỉ M không ảnh hưởng đến việc điều tra truy tố, xét xử. Ngày 04/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có Công văn số 48 và quyết định xử lý vật chứng số 06 tách vật chứng là biển kiểm soát 20L3-81** cùng tài liệu liên quan chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện L và Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang không xem xét đối với hành vi trộm cắp xe Nouvo của Ngô Văn H và Thân Thị T.

Vụ thứ 8: Khoảng 21 giờ ngày 04/10/2016, tại khu vực thôn T, xã T, huyện L, Ngô Văn H dùng vạm phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M1-024**, nhãn hiệu HONDA, loại xe DREAM màu nâu trị giá 20.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N rồi cùng Thân Thị T đi về phòng trọ ở huyện P, tỉnh T. Hôm sau Ngô Văn H đi xe trộm cắp gặp Ngô Văn M nhờ bán xe. Sau khi xem xe thấy còn mới nên Ngô Văn M bảo để đi lại hàng ngày khi nào có tiền sẽ trả. Ngô Văn M lắp biển kiểm soát 98H6-44** vào xe dùng làm phương tiện đi lại hàng ngày để tránh bị phát hiện.

Vụ thứ 9: Khoảng 22 giờ ngày 08/10/2016, Ngô Văn H bảo Thân Thị T đi cùng lên đoạn đường giữa cánh đồng B của trại P, xã X, huyện L phát hiện thấy 01 xe mô tô biển kiểm soát 98Y2-82**, loại ASYW trị giá 2.000.000 đồng của anh Đào Văn S đang gặt lúa dưới đồng. Ngô Văn H đi bộ quay lại dùng vạm chữ T phá khóa điện nổ máy bảo Thân Thị T đi xe theo sau về nhà ở huyện V. Sáng dậy Ngô Văn H lấy kìm, cờ lê tháo các bộ phận xe trộm cắp rồi bán cho một người thu mua sắt vụn đi đường được 300.000đ, số tiền này dùng ăn tiêu hàng ngày hết.

Vụ thứ 10: Khoảng 23 giờ ngày 09/10/2016, Ngô Văn H bảo Thân Thị T đi cùng lên khu vực Big C Bắc Giang. Tại khu vực thôn N, xã T, thành phố B, Ngô Văn H phát hiện và trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F7-38**, nhãn hiệu CAMELYA màu nâu trị giá 1.200.000 đồng của anh Nguyễn Văn N. Ngày 13/10/2016, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp, thu giữ xe mô tô và biển kiểm soát xe.

Vụ thứ 11: Trưa ngày 12/10/2016, Ngô Văn H và Thân Thị T đi đến thôn Đ, xã N, huyện L thì phát hiện tài sản sơ hở, Ngô Văn H dùng vạm phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B1-237**, nhãn hiệu HONDA loại WAVE an pha màu xanh trị giá 7.200.000 đồng của chị Vi Thị L. Ngày 13/10/2016, Cơ quan điều tra khám xét đã thu giữ xe mô tô cùng biển số 98B1-237**.

Vụ thứ 12: Khoảng 22 giờ ngày 12/10/2016, Ngô Văn H và Thân Thị T đi đến thôn T, xã T, huyện L thì phát hiện tài sản sơ hở, Ngô Văn H dùng vạm phá khóa trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M1- 12**, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE an pha trị giá 18.500.000 đồng của anh Vũ Văn L. Chiếc xe này Ngô Văn H đã tháo biển số, tìm cách tiêu thụ nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt.

Từ nội dung trên, bản Cáo trạng số 10/KSĐT ngày 23/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Ngô Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, điểm e, khoản 2, Điều 138- Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Thân Thị T, Nguyễn Thị Hồng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138- Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Ngô Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1, Điều 250-Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn H, Thân Thị T, Nguyễn Thị Hồng N cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Ngô Văn M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

-Áp dụng điểm b, điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Ngô Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/10/2016.

-Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm p, điểm l, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Thân Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 13/10/2016 đến ngày 21/10/2016) vào thời gian thụ hình.

-Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Hồng N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 17/10/2016 đến ngày 21/10/2016) vào thời gian thụ hình.

-Áp dụng khoản 1, Điều 250; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Ngô Văn M 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/10/2016.

*Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5, Điều 138- Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N; khoản 5, Điều 250- Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn M: Phạt bổ sung bằng tiền đối với Ngô Văn H 10.000.000 đ (mười triệu đồng), Nguyễn Thị Hồng N 5.000.000 đ (năm triệu đồng) ; Ngô Văn M 5.000.000 đ (năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

*Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42- Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 688; Điều 288; Điều 579; Điều 580; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589; khoản 2, Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc Ngô Văn H và Nguyễn Thị Hồng N liên đới bồi thường cho anh Dương Văn Đ số tiền 4.500.000 đồng, cụ thể Ngô Văn H bồi thường 2.250.000 đồng, Nguyễn Thị Hồng N bồi thường 2.250.000 đồng.

Buộc Ngô Văn H và Nguyễn Thị Hồng N phải hoàn trả cho chị Phạm Thị L 10.000.000 đồng, cụ thể Ngô Văn H hoàn trả 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hồng N hoàn trả 5.000.000 đồng; Ngô Văn H và Nguyễn Thị Hồng N hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T 450.000 đồng, cụ thể Ngô Văn H hoàn trả 225.000 đồng, Nguyễn Thị Hồng N hoàn trả 225.000 đồng.

*Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41- BLHS; Điều 76- Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công các tài sản các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện đi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 428.** màu đen trắng bạc của Nguyễn Thị Hồng N.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo khác, vật chứng của bị cáo khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong:

Ngày 25/4/2017 bị cáo Ngô Văn M nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên ngày 23/5/2017 Ngô Văn M đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 03/5/2017 bị cáo Nguyễn Thị Hồng N nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, miễn tiền phạt, xin lại xe máy làm phương tiện đi lại làm ăn.

Ngày 04/5/2017 bị cáo Ngô Văn H nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Ngô Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do vì: Bị cáo bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai gì nhưng mức án sơ thẩm xử phạt 5 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ mới sinh con nhỏ không làm được gì nên mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác, cũng chưa bồi thường dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể xin được hưởng án treo, xin lại xe máy làm phương tiện đi lại làm ăn, rút yêu cầu kháng cáo miễn tiền phạt bổ sung. Lý do vì: Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình nên đã đi nộp tiền phạt bổ sung và án phí là 5.573.000 đồng tại Chi cục THADS huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện bị cáo đang đi học nghề để đăng ký đi xuất khẩu lao động. Bị cáo muốn được hưởng án treo để có cơ hội học tập, lao động và xin lại xe máy làm phương tiện đi lại làm ăn. Vì bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung rồi nên xin rút nội dung kháng cáo miễn tiền phạt bổ sung.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp cho Tòa án trong hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Ngô Văn H không có tình tiết giảm nhẹ nào khác; bị cáo Nguyễn Thị Hồng N có cung cấp biên lai nộp tiền phạt bổ sung và án phí 5.573.000 đồng tại Chi cục THADS huyện L nên cần xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại khoản 2, Điều 46- BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Ngô Văn H là không đúng vì trong số tài sản bị cáo chiếm đoạt không có tài sản nào có giá trị trên 50 triệu đồng, bị cáo đã phải chịu trách nhiệm với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt làm tình tiết định khung hình phạt tại điểm e, khoản 2, Điều 138- BLHS. Do đó căn cứ khoản 2, Điều 48- BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết vừa tăng nặng vừa định khung hình phạt được, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên căn cứ vào tính chất mức độ, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy cấp sơ thẩm xử phạt mức hình phạt chính và bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp, việc tịch thu phương tiện dùng vào việc phạm tội là đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã nộp số tiền 5.573.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo Ngô Văn H không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa phát biểu quan điểm: Bị cáo bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai gì. Tuy nhiên mức hình phạt 1 năm 03 tháng tù là nặng vì bị cáo có vai trò thứ yếu, đồng phạm giản đơn. Sau khi phạm tội đã đầu thú khai báo hành vi phạm tội và ăn năn hối cải. Đề nghị xem xét việc bị cáo nộp tiền 5.573.000 đồng là tiền bị cáo bồi thường dân sự vì bị cáo đang kháng cáo xin miễn tiền phạt thì nộp tiền phạt làm gì. Đây là sự thiếu hiểu biết của bị cáo khi đi nộp tiền không nêu rõ nội dung nộp tiền. Đề nghị áp dụng điểm b, điểm p, khoản 1,

khoản 2, Điều 46; Điều 47- BLHS đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tuổi đời còn trẻ nên đề nghị áp dụng Điều 60- BLHS và Hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2013/ HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Về tiền phạt bổ sung, tịch thu xe mô tô thì bị cáo hiện không có công ăn việc làm, đang đi học nghề, khi đi cùng Ngô Văn H bị cáo không biết là đi trộm cắp. Vì vậy xin được miễn tiền phạt bổ sung và không tịch thu xe máy.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N nhất trí quan điểm của Luật sư, không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về số tiền 5.573.000 đồng bị cáo đã khai ngay từ đầu là tiền nộp phạt bổ sung và án phí, số tiền này phù hợp với nội dung nộp ghi trong biên lai thu tiền của Chi cục THADS huyện L và phù hợp với quyết định của án sơ thẩm là phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm 373.000 đồng do phải bồi thường dân sự; trong khi đó số tiền bị cáo phải bồi thường dân sự là 7.475.000 đồng. Do đó không có căn cứ chấp nhận số tiền nộp là để bồi thường và áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 46- BLHS cho bị cáo được. Về kháng cáo xin miễn tiền phạt bị cáo đã có ý kiến rút ngay từ đầu nên không xem xét giải quyết. Còn việc kháng cáo không tịch thu xe máy của bị cáo thì do bị cáo đã sử dụng xe cùng Ngô Văn H đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 3 lần nên việc áp dụng Điều 41- Bộ luật hình sự, Điều 76- Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước là đúng quy định. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin lại chiếc xe trên của bị cáo.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Ngô Văn H: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện cải tạo tốt và sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N: Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, miễn phạt tiền bổ sung và xin lại xe máy làm phương tiện đi lại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án

nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8 năm 2016 đến giữa tháng 10 năm 2016, các bị cáo Ngô Văn H, Thân Thị T, Nguyễn Thị Hồng N đã lợi dụng đêm khuya, sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong quản lý tài sản đi vào các khu dân cư tìm tài sản để trộm cắp với mục đích để bán lấy tiền sinh sống, kết quả đã thực hiện hoàn thành 12 vụ trộm cắp tài sản, trong đó:

- Ngô Văn H một mình thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc xe mô tô, chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 18.900.000 đồng.

- Ngô Văn H và Nguyễn Thị Hồng N cùng thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 19.900.000 đồng.

- Ngô Văn H và Thân Thị T cùng thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 49.900.000 đồng.

Bị cáo Ngô Văn H liên tục thực hiện 12 hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 88.700.000 đồng và dùng nguồn thu từ việc bán tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N về tội “Trộm cắp tài sản”, trong đó bị cáo Ngô Văn H theo quy định tại điểm b, điểm e, khoản 2, Điều 138; bị cáo Nguyễn Thị Hồng N theo khoản 1, Điều 138- Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo Ngô Văn H nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, có tiền án chưa được xóa án tích nên có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1, Điều 48- BLHS đó là “phạm tội nhiều lần” và “tái phạm”. Việc xác định bị cáo Ngô Văn H có tình tiết tăng nặng “tái phạm” là đúng, còn tình tiết “phạm tội nhiều lần” là không đúng với quy định tại khoản 2, Điều 48- BLHS, bởi lẽ: trong số tài sản bị cáo chiếm đoạt không có tài sản nào có giá trị trên 50 triệu đồng, bị cáo đã phải chịu trách nhiệm với tổng giá trị tài sản của các lần chiếm đoạt để định khung hình phạt theo điểm e, khoản 2, Điều 138- BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần tại điểm g, khoản 1, Điều 48- Bộ luật hình sự là chính xác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: án sơ thẩm xác định các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm p, khoản 1, Điều 46; bị cáo Nguyễn Thị Hồng N sau khi phạm tội đã

đến cơ quan công an “đầu thú” khai báo hành vi của mình và đồng bọn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 46- Bộ luật hình sự là chính xác.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò đồng phạm với nhau, tuy nhiên do các bị cáo không bàn bạc để phân công vai trò, trách nhiệm nên vai trò đồng phạm mang tính chất giản đơn. Trong các lần trộm cắp trên, bị cáo Ngô Văn H là người chủ động lôi kéo các bị cáo khác tham gia phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản và đem tài sản đi tiêu thụ, tổng số tài sản bị cáo trộm cắp là 88.700.000 đồng, do đó bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Thân Thị T là vợ của bị cáo Ngô Văn H, đã không ngăn cản còn đồng tình tham gia cùng Ngô Văn H trộm cắp 06 vụ với giá trị tài sản 49.900.000 đồng, có được ăn tiêu từ số tiền bán tài sản trộm cắp do đó bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã cùng bị cáo Ngô Văn H tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tài sản trộm cắp là 19.900.000 đồng, được ăn tiêu cùng từ số tiền bán tài sản trộm cắp, HĐXX sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò đứng sau bị cáo Thân Thị T là đúng.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi các bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Ngô Văn H không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N cung cấp biên lai đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí nên cần xem xét áp dụng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 46- BLHS cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N: Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng nhưng căn cứ theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 2-Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo. Đối với kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung thấy bị cáo là người trưởng thành, có tài sản nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền là đúng và phù hợp nên cần giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. Đối với yêu cầu không tịch thu sung quỹ nhà nước và xin lại xe mô tô biển kiểm soát 98B2-428.**. Đây là xe thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, cấp sơ thẩm chứng minh được các bị cáo sử dụng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản nên áp dụng Điều 41- Bộ luật hình sự, Điều 76- Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước là đúng quy định. Do đó HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bị cáo và quan điểm của luật sư bào chữa.

Từ những nội dung trên, HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 248-Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Văn H: HĐXX thấy bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” như án sơ thẩm đã xác định nhưng căn cứ vào vai trò, nhân thân của bị cáo thấy rằng cấp sơ thẩm xử phạt mức án 5 năm tù đối với bị cáo là phù hợp tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Vì vậy HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 248-Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Ngô Văn H không được chấp nhận nên căn cứ quy định tại Điều 99- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đối với các bị cáo.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, điểm e, khoản 2, khoản 5, Điều 138; điểm p, khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/10/2016. Phạt tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5, Điều 138; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 17/10/2016 đến ngày

21/10/2016) vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Phạt tiền 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã nộp số tiền 5.573.000 đồng tại biên lai số AA/2010/002849 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 41- BLHS; điểm a, khoản 2, Điều 76- BLTTHS tịch thu sung công tài sản các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện đi trộm cắp tài sản 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 428.** màu đen trắng bạc của Nguyễn Thị Hồng N.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 99- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Thị Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

